

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2009/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 01 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2009 tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách Nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, các doanh nghiệp Nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách Nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách Nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2008/NQ-HĐND ngày 09/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2008 và dự toán ngân sách năm 2009 tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 86/TTr-STC ngày 16/01/2009 về việc công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2009 tỉnh Thái Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2009 ở địa phương với nội dung cụ thể như sau: (Có các biểu chi tiết kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Sở Tài chính phối hợp với các ngành liên quan tổ chức thực hiện và phối hợp hướng dẫn các đơn vị dự toán, các địa phương và cơ sở tổ chức thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Phạm Xuân Dương

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2009

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2009
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
I	<u>Tổng số thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn</u>	<u>1 145 000</u>
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	1 085 000
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	60 000
II	<u>Thu ngân sách địa phương</u>	<u>2 711 567</u>
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	1 075 000
	- Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%	959 261
	- Các khoản thu phân chia ngân sách địa phương hưởng theo tỷ lệ %	115 739
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	1 481 927
	- Bổ sung cân đối	849 586
	- Bổ sung có mục tiêu	632 341
3	Thu huy động đầu tư theo khoản 3 điều 8 Luật NSNN	
4	Thu kết dư ngân sách năm trước	
5	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	154 640
III	<u>Chi ngân sách địa phương</u>	<u>2 711 567</u>
1	Chi đầu tư phát triển	339 000
2	Chi thường xuyên	1 715 529
3	Chi trả nợ các khoản tiền huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN	14 788
4	Chi Bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1 000
5	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	70 622
6	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	510 748
7	Chi dự phòng ngân sách	59 880

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CỦA HUYỆN,
THÀNH PHỐ, THỊ XÃ NĂM 2009**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2009
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
<u>A</u>	<u>NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</u>	
<u>I</u>	<u>Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh</u>	<u>2 282 808</u>
1	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	670 881
	- Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%	636 160
	- Các khoản thu phân chia ngân sách tỉnh hưởng theo tỷ lệ %	34 721
2	Bổ sung từ ngân sách trung ương	1 481 927
	- Bổ sung cân đối	849 586
	- Bổ sung có mục tiêu	632 341
3	Huy động đầu tư theo khoản 3 điều 8 Luật NSNN	
4	Thu kết dư ngân sách năm trước	
5	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	130 000
<u>II</u>	<u>Chi ngân sách cấp tỉnh</u>	<u>2 282 808</u>
1	Chi thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp (không kể số bổ sung cho ngân sách cấp dưới)	1 453 238
2	Bổ sung cho ngân sách huyện, thành phố, thị xã	829 570
	- Bổ sung cân đối	552 971
	- Bổ sung có mục tiêu	276 599
<u>B</u>	<u>NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ THUỘC TỈNH</u>	
<u>I</u>	<u>Nguồn thu ngân sách huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh</u>	<u>1 258 328</u>
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	404 118
	- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	323 100
	- Các khoản thu phân chia ngân sách huyện hưởng theo tỷ lệ %	81 018
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	829 570
3	Thu chuyển nguồn	24 640
<u>II</u>	<u>Chi ngân sách huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh</u>	<u>1 258 328</u>

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2009

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2009
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	<u>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN</u>	<u>1 145 000</u>
A	<u>Tổng thu các khoản cân đối ngân sách Nhà nước</u>	<u>1 145 000</u>
I	Thu nội địa	1 085 000
1	Thu từ Doanh nghiệp Nhà nước	344 900
2	Thu từ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	80 000
3	Thu từ khu vực công thương, dịch vụ ngoài quốc doanh	244 000
4	Lệ phí trước bạ	59 380
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	410
6	Thuế nhà đất	10 150
7	Thuế thu nhập người có thu nhập cao	31 000
8	Thu phí xăng dầu	97 000
9	Thu phí, lệ phí	36 850
10	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	
11	Thu tiền sử dụng đất	145 000
12	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	13 120
13	Thu bán nhà, thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước	300
14	Thu khác của ngân sách	19 090
15	Thu hoa lợi CS, quỹ đất công ích ... tại xã	3 800
III	Thu hoạt động xuất nhập khẩu	60 000
	<u>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>	<u>2 711 567</u>
A	<u>Các khoản thu cân đối ngân sách địa phương</u>	<u>2 711 567</u>
1	Các khoản thu hưởng 100%	959 261
2	thu phân chia theo tỷ lệ % NSDP hưởng	115 739
3	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	1 481 927
4	Thu chuyển nguồn	154 640

Mẫu số 13/CKTC-NSDP

Biểu số: 04

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2009

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2009
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	<u>2 711 567</u>
<u>A</u>	<u>Tổng chi cân đối ngân sách địa phương</u>	<u>2 200 819</u>
I	Chi đầu tư phát triển	339 000
II	Chi thường xuyên	1 715 529
	Trong đó:	
	- Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	823 100
	- Chi khoa học công nghệ	10 030
III	Chi trả nợ gốc và lãi huy động đầu tư theo khoản 3 điều 8 Luật NSNN	14 788
IV	Bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1 000
V	Chi dự phòng ngân sách	59 880
VI	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	70 622
<u>B</u>	<u>Chi chương trình mục tiêu quốc gia</u>	<u>510 748</u>

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2009

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2009
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	<u>1 453 238</u>
I	Chi đầu tư phát triển	229 000
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung	190 000
2	Chi ĐT XDCS HT bằng nguồn SD đất	35 000
3	Chi đầu tư và hỗ trợ DN theo chế độ	4 000
II	Chi thường xuyên	633 264
1	Chi an ninh - Quốc phòng	9 600
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	157 861
3	Chi sự nghiệp y tế	183 707
4	Chi sự nghiệp khoa học - công nghệ	10 030
5	Chi sự nghiệp văn hóa thể thao và du lịch	20 644
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	9 773
8	Chi đảm bảo xã hội	18 897
9	Chi sự nghiệp kinh tế	71 795
10	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	128 990
11	Chi trợ giá mặt hàng chính sách	12 277
12	Chi sự nghiệp môi trường	9 000
13	Chi khác của ngân sách	690
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1 000
IV	Chi CT mục tiêu quốc gia	510 748
V	Chi trả nợ gốc và lãi huy động đầu tư theo khoản 3 điều 8 Luật NSNN	14 788
VI	Chi dự phòng ngân sách	34 617
VII	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	29 821

Mẫu số 14/CKTC-NSDP

Biểu số: 06

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC CẤP TỈNH NĂM 2009*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)***Đơn vị tính: Triệu đồng**

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên			Chi chương trình MTQG	Chương trình 135	Dự án 5 triệu ha rừng	Chi thực hiện 1 số nhiệm vụ, mục tiêu khác	
			Trong đó: đầu tư		Trong đó:		Tổng	Trong đó						
			Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Quản lý Nhà nước		Khoa học công nghệ	Quản lý Nhà nước					Sự nghiệp
		796 910	95 966	95 966		36 727	7 000	578 160	118 636	459 524	114 582	382	7 820	
A	Khối quản lý Nhà nước	680 765	76 796	76 796		33 827	7 000	490 535	79 780	410 755	109 882	382	3 170	
1	Văn phòng UBND tỉnh	11 464	400	400				11 064	9 528	1 536				
2	Văn phòng đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân	4 504						4 504	4 504					
3	Hỗ trợ Đoàn Đại biểu Quốc hội	500						500	500					
4	Sở Nội vụ	5 302	70	70				5 232	3 706	1 526				
5	Sở Tư pháp	2 429						2 429	1 556	873				
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2 977						2 977	2 445	532				
7	Thanh tra giao thông	1 246						1 246	414	832				
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	65 695	10 190	10 190				39 475	16 900	22 575	14 010	20	2 000	

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên			Chi chương trình MTQG	Chương trình 135	Dự án 5 triệu ha rừng	Chi thực hiện 1 số nhiệm vụ, mục tiêu khác
			Trong đó: đầu tư		Trong đó:		Tổng	Trong đó					
			Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Quản lý Nhà nước		Khoa học công nghệ	Quản lý Nhà nước				
9	Ban Quản lý các khu công nghiệp	4 763	2 600	2 600			2 163	1 246	917				
10	Sở Giao thông - Vận tải	26 558	12 689	12 689			13 869	1 369	12 500				
11	Sở Giáo dục - Đào tạo	207 634	35 327	35 327		33 827	119 427	3 397	116 030	52 880			
12	Sở Y tế	204 077	1 490	1 490			183 455	2 969	180 486	19 062			70
13	Sở Lao động Thương binh - Xã hội	42 800	3 500	3 500			23 515	2 916	20 599	15 045			740
14	Sở Văn hóa - thể thao và Du lịch	36 982	1 440	1 440			26 657	2 809	23 848	8 885			
15	Sở Khoa học và Công nghệ	7 185	4 500	4 500			2 325	1 488	837				360
16	Sở Thông tin - Truyền thông	5 666	2 500	2 500			3 166	955	2 211				
17	Thanh tra tỉnh	3 785	930	930			2 855	2 855					
18	Sở Tài chính	5 164	1 100	1 100			4 064	4 064					
19	Sở Tài nguyên và môi trường	24 135	30	30			24 105	2 858	21 247				
20	Sở Xây dựng	2 405					2 405	1 881	524				
21	Sở Công thương	12 979	30	30			12 949	9 427	3 522				
22	Hội đồng liên minh các HTX	1 017					1 017	857	160				

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên			Chi chương trình MTQG	Chương trình 135	Dự án 5 triệu ha rừng	Chi thực hiện 1 số nhiệm vụ, mục tiêu khác	
			Trong đó: đầu tư		Trong đó:		Tổng	Trong đó						
			Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Quản lý Nhà nước		Khoa học công nghệ	Quản lý Nhà nước					Sự nghiệp
23	Ban Dân tộc	1 189						827	827		362			
24	Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng	309						309	309					
B	Hội đoàn thể	11 378	550	550				10 478	8 573	1 905			350	
1	Mặt trận Tổ quốc	2 594	500	500				2 094	2 094					
2	Hội Liên hiệp Phụ nữ	2 111	50	50				2 061	2 061					
3	Hội Cựu chiến binh	510						510	510					
4	Hội Nông dân tập thể	1 328						1 328	1 328					
5	Hội Đông y	629						629		629				
6	Hội Chữ thập đỏ	440						440		440				
7	Hội Văn học Nghệ thuật	1 096						836		836			260	
8	Hội Nhà báo	400						310	310				90	
9	Tỉnh đoàn thanh niên	1 577						1 577	1 577					
10	Hội Lâm vườn	222						222	222					
11	Hội Người mù	189						189	189					
12	Hội Nạn nhân chất độc da cam	107						107	107					
13	Hội Người cao tuổi	100						100	100					
14	Hội Thanh niên xung phong	75						75	75					

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên			Chi chương trình MTQG	Chương trình 135	Dự án 5 triệu ha rừng	Chi thực hiện 1 số nhiệm vụ, mục tiêu khác
			Trong đó: đầu tư		Trong đó:		Tổng	Trong đó					
			Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Quản lý Nhà nước		Quản lý Nhà nước	Sự nghiệp				
C	Khối Đảng (Tỉnh uỷ)	34 583	4 000	4 000			30 283	30 283				300	
D	Các đơn vị khác	70 184	14 620	14 620		2 900		46 864	46 864	4 700		4 000	
1	Đài Phát thanh Truyền hình	11 773						9 773	9 773			2 000	
2	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	19 550	9 350	9 350				8 200	8 200			2 000	
3	Trường Chính trị tỉnh	7 995	2 900	2 900		2 900		5 095	5 095				
4	Trường Cao đẳng Y tế	5 570						5 570	5 570				
5	Trường Cao đẳng Sư phạm	9 701						9 701	9 701				
6	Trường Cao đẳng Kinh tế	6 495						6 495	6 495				
7	Công an tỉnh	8 730	2 000	2 000				2 030	2 030	4 700			
8	Đảng uỷ khối cơ quan Dân chính Đảng	30	30	30									
9	Báo Thái Nguyên	340	340	340									

Mẫu số 16/CKTC-NSĐP

Biểu số: 07

DỰ TOÁN CHI XDCB CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2009*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)***Đơn vị tính: Triệu đồng**

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Dự toán năm 2009
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số							190 000
A	THỰC HIỆN DỰ ÁN							187 000
I	NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN							8 100
*	<i>Dự án hoàn thành</i>							
1	Nhà làm việc Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai							200
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							
2	Tưới chè 3 xã Phú Lương							600
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ Phụng Hoàng, huyện Đại Từ							1 300
4	Sửa chữa, nâng cấp hồ Kim Đinh, hồ Trại Gạo, huyện Phú Bình							3 600
5	Xây dựng công trình thủy lợi xã Nghinh Tường huyện Võ Nhai							900
*	<i>Dự án khởi công mới</i>							

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Dự toán năm 2009
6	Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Hỷ							1 500
II	GIAO THÔNG VẬN TẢI							21 909
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							
1	Đường Cầu Ca - Dương Thành							700
2	Dự án 1,3Km đường Cách mạng tháng 8, thị xã Sông Công							2 500
3	Đường Yên Trạch huyện Phú Lương							4 300
4	Đường giao thông nông thôn Úc Sơn - Tân Thành - Hợp Tiến							6 000
5	Đường giao thông làng nghề xã Tân Đức huyện Phú Bình							100
6	Đường vào bãi rác huyện Phú Bình							1 100
*	<i>Dự án khởi công mới</i>							
1	Cải tạo, sửa chữa đường 3-2 thị xã Sông Công							800
2	Sửa chữa, cải tạo nút giao thông ngã ba đường Nha Trang - Bến Tượng - thành phố Thái Nguyên							370
3	Nâng cấp đường tỉnh lộ 263 đoạn từ Km 0 - km 3+328,76							2 000
4	Láng nhựa mở rộng mặt đường ĐT 261 tỉnh TN (đoạn km 1-km4 và km 38+256,6-km41+677,2)							540

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Dự toán năm 2009
5	Đường Cầu treo Vinh Sơn - Bình Sơn - Đèo Nhồn - ĐT 261 thuộc dự án giao thông nông thôn 3 tỉnh TN (Đối ứng phần mặt đường láng nhựa)							3 499
III	VĂN HÓA THÔNG TIN - THỂ THAO - PTTH							3 300
*	<i>Dự án hoàn thành</i>							
1	Cải tạo mặt sân Nhà thi đấu, bể nước, cứu hỏa, sân đường...							300
*	<i>Dự án khởi công mới</i>							
2	Nhà nghỉ vận động viên							1 000
3	Nhà văn hoá thư viện huyện Phú Lương							2 000
IV	Y TẾ - XÃ HỘI							6 700
*	<i>Dự án hoàn thành</i>							
1	Nhà điều trị bệnh nhân là phạm nhân							500
*	<i>Dự án khởi công mới</i>							
2	Cải tạo, sửa chữa nhà 2 tầng khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú, khoa dưỡng sinh châm cứu bệnh viện YHCT TN							700
3	Sửa chữa cải tạo Trung tâm chính hình và phục hồi chức năng trẻ tàn tật Bắc Thái							1 000
4	Trung tâm quản lý tâm thần (Xây dựng hàng rào)							500

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Dự toán năm 2009
5	Trung tâm chữa bệnh, giáo dục lao động xã hội huyện Đồng Hỷ (Ngân sách tỉnh hỗ trợ)							1 000
6	Đền thờ anh hùng liệt sĩ huyện Phổ Yên (Ngân sách tỉnh hỗ trợ)							1 000
7	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh TN							2 000
V	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO							50 000
*	<i>Dự án hoàn thành</i>							
1	Trường THPT Lưu Nhân Chú							3 300
2	Trường THPT Hoàng Quốc Việt							1 800
3	Trường THPT Võ Nhai(Kết thúc giai đoạn I của dự án)							1 000
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							
1	Trường THPT Diêm Thụy, huyện Phú Bình							7 000
2	Trường THPT Trần Quốc Tuấn, huyện Đồng Hỷ							6 100
3	Trường THPT Trại Cau, huyện Đồng Hỷ							2 500
4	Nhà lớp học số 2 trường THPT Võ Nhai							1 200
5	Cải tạo, mở rộng trường THPT Trần Phú, huyện Võ Nhai							2 000
*	<i>Dự án khởi công mới</i>							

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Dự toán năm 2009
6	Trường THPT Chuyên Thái Nguyên							5 000
7	Trường THPT Võ Nhai huyện Võ Nhai							2 700
	ĐỐI ƯNG KIẾN CỐ HOÁ TRƯỜNG LỚP HỌC							17 400
	Huyện Phổ Yên							1 840
	Huyện Phú Bình							3 080
	Thị xã Sông Công							552
	Huyện Phú Lương							981
	Thành phố Thái Nguyên							2 260
	Huyện Đồng Hỷ							1 972
	Huyện Đại Từ							2 769
	Huyện Định Hoá							1 695
	Huyện Võ Nhai							1 374
	Các trường THPT							877
VI	KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ							7 000
	<i>Dự án khởi công mới</i>							
1	DA đầu tư trang thiết bị kỹ thuật nâng cao năng lực quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường và an toàn bức xạ hạt nhân trên địa bàn tỉnh TN							4 500

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Dự toán năm 2009
2	DA xây dựng hệ thông thư điện tử thống nhất cho cơ quan nhà nước, công chức, viên chức tỉnh TN giai đoạn 2008-2010							2 500
VII	CÔNG CỘNG ĐỒ THỊ							2 800
*	<i>Dự án hoàn thành</i>							
1	Bãi chôn rác Chợ Chu, Định Hoá							1 200
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							
2	Hệ thống cấp nước chữa cháy thành phố Thái Nguyên							1 600
VIII	TRỤ SỞ KHỐI CƠ QUAN TỈNH, HUYỆN							23 660
*	<i>Dự án hoàn thành</i>							
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh							500
2	Cải tạo trụ sở Thanh tra tỉnh							900
3	Cải tạo trụ sở Sở Tài chính							1 100
4	Cải tạo, sửa chữa Hội trường UBND tỉnh							400
5	Nhà làm việc mặt trận tổ quốc và khối đoàn thể huyện Đại Từ							300
6	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Phú Bình							400
7	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Định Hoá							1 000

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Dự toán năm 2009
8	Trụ sở Sở Giáo dục Đào tạo							1 500
9	Nhà gara xe ô tô trụ sở Tỉnh uỷ							600
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							
1	Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ tỉnh							400
2	Trường Chính trị tỉnh							2 900
3	Trụ sở Huyện Định Hoá							3 800
4	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Đại Từ							1 900
5	Cải tạo nhà trụ sở làm việc 2 tầng UBND huyện Định Hoá							700
6	Nhà làm việc HĐND - UBND huyện Phú Lương							1 700
7	Cải tạo, sửa chữa nhà 3 tầng Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên							70
*	<i>Dự án khởi công mới</i>							
1	Sửa chữa nâng cấp cải tạo nhà làm việc 3 tầng UBND huyện Võ Nhai							1 400
2	Nhà làm việc phòng giáo dục huyện Phú bình							750
3	Cải tạo sửa chữa Báo TN và nhà nhiều chức năng báo TN							340
4	Cải tạo nhà khách Tỉnh uỷ							3 000
IX	TRỤ SỞ XÃ							37 040

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Dự toán năm 2009
*	Dự án thực hiện trước phân cấp							500
	<i>Dự án hoàn thành</i>							
1	Trụ sở UBND xã Phụng Tiến							200
2	Trụ sở UBND xã Lương Phú							200
3	Trụ sở UBND xã La Hiên							100
*	Dự án phân cấp (Ngân sách tỉnh cấp hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện - Các huyện phân bổ chi tiết cho từng dự án)							36 540
1	Huyện Định Hoá							7 790
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							
	Trụ sở UBND thị trấn Chợ Chu							
	Trụ sở UBND xã Phúc Chu							
	Trụ sở UBND xã Kim Phụng							
	Trụ sở UBND xã Linh Thông							
	Trụ sở UBND xã Phú Tiến							
	<i>Dự án khởi công mới</i>							
	Trụ sở UBND xã Bảo Linh							

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Dự toán năm 2009
	Trụ sở UBND xã Sơn Phú							
	Trụ sở UBND xã Quý Kỳ							
	Trụ sở UBND xã Kim Sơn							
	Trụ sở UBND xã Đồng Thịnh							
	Trụ sở UBND xã Phú Đình							
2	Huyện Võ Nhai							2 650
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							
	Trụ sở UBND xã Bình Long							
	Trụ sở UBND xã Phú Thượng							
	Trụ sở UBND xã Dân Tiến							
	Trụ sở UBND xã Cúc Đường							
3	Huyện Đồng Hỷ							5 406
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							
	Trụ sở UBND xã Văn Lãng							
	Trụ sở UBND xã Tân Long							
	Trụ sở UBND xã Khe Mo							
	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND xã Linh Sơn							
	<i>Dự án khởi công mới</i>							
	Trụ sở UBND xã Minh Lập							

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Dự toán năm 2009
	Trụ sở UBND xã Hợp Tiến							
	Trụ sở UBND xã Nam Hoà							
4	Huyện Đại Từ							12 155
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							
	Trụ sở UBND xã Minh Tiến							
	Trụ sở UBND xã Văn Yên							
	Trụ sở UBND xã Phú Lạc							
	Trụ sở UBND xã Cát Nê							
	Trụ sở UBND xã Lục Ba							
	Trụ sở UBND xã Phú Thịnh							
	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND xã Yên Lãng							
	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND xã Cù Vân							
	<i>Dự án khởi công mới</i>							
	Trụ sở UBND xã Tân Linh							
	Trụ sở UBND xã Mỹ Yên							
	Trụ sở UBND xã Hùng Sơn							
	Trụ sở UBND xã Phúc Lương							
	Trụ sở UBND xã Phúc Linh							
	Trụ sở UBND xã Quân Chu							

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Dự toán năm 2009
	Trụ sở UBND xã An Khánh							
	Trụ sở UBND xã Phú Cường							
	Trụ sở UBND xã Tân Thái							
	Trụ sở UBND xã Phú Xuyên							
5	Huyện Phú Lương							1 614
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							
	Trụ sở UBND xã Phú Lý							
	Trụ sở UBND xã Yên Trạch							
	Trụ sở UBND xã Ôn Lương							
	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND thị trấn Du							
	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND thị trấn Giang Tiên							
	Trụ sở UBND xã Sơn Cẩm							
6	Huyện Phổ Yên							1 864
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							
	Trụ sở UBND xã Vạn Phái							
	Trụ sở UBND xã Phúc Tân							
	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND xã Đồng Tiến							
	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND xã Hồng Tiến							

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Dự toán năm 2009
	<i>Dự án khởi công mới</i>							
	Trụ sở UBND xã Thuận Thành							
	Cải tạo sửa chữa trụ sở UBND xã Đông Cao							
7	Huyện Phú Bình							3 061
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							
	Trụ sở UBND xã Tân Thành							
	Trụ sở UBND xã Bàn Đạt							
	Trụ sở UBND xã Úc Kỳ							
	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND xã Đồng Liên							
	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND xã Nhã Lộng							
	<i>Dự án khởi công mới</i>							
	Trụ sở UBND xã Xuân Phương							
	Cải tạo sc trụ sở UBND xã Bảo Lý							
	Trụ sở UBND xã Tân Kim							
8	Thành phố Thái Nguyên							2 000
	<i>Dự án khởi công mới</i>							
	Trụ sở UBND xã Đồng Bầm							
	Trụ sở UBND xã Cao ngạn							
VII	AN NINH QUỐC PHÒNG							11 300

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Dự toán năm 2009
*	<i>Dự án hoàn thành</i>							
1	Bệnh xá Bộ chỉ huy quân sự tỉnh							1 100
2	Nhà làm việc + sinh hoạt Ban CHQS huyện Đại Từ							1 100
3	Nhà kho Vũ Khí Trường Quân sự tỉnh Thái Nguyên							100
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							
4	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới BCH quân sự tỉnh và trung đoàn 832 lực lượng dự bị động viên tỉnh							7 000
5	Trụ sở Phòng Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp - Công an tỉnh Thái Nguyên							2 000
VIII	TRẢ NỢ CÁC DỰ ÁN QUYẾT TOÁN NĂM 2009							15 191
B	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ							3 000
I	NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN							670
1	Cụm hồ tưới chè 6 xã huyện Đại Từ							100
2	Hồ Văn Hán xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ							50
3	Hồ Khuôn Lân, xã Hợp Thành, Huyện Phú Lương							50
4	Hồ Khe Ván, xã Phú Lý, huyện Phú Lương							50
5	Kè Xâm Soi, H. Phổ Yên							80

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Dự toán năm 2009
6	Kè Hà Châu I, xã Hà Châu, H Phú Bình							100
7	Kè chống xói lở bờ sông Cầu, H Phú Bình							100
8	Xây dựng cống số 3, số 4 Đê Chã, H Phố Yên							30
9	Gia cố mặt đê Hà Châu, H Phú Bình							50
10	Nhà làm việc BQL Dự án rừng khu ATK Định Hoá							30
11	Nhà kiểm dịch động vật và khu nuôi nhốt cách ly							30
II	GAO THÔNG VẬN TẢI							1 230
1	Đường ĐT 261 (đoạn từ xã Hồng Tiến - Núi Căng)							200
2	Cầu Linh Nham huyện Đồng Hỷ							80
3	Đường Úc Sơn- Lữ Văn huyện Phú Bình							100
4	Đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phán							100
5	Đường GTLX Tiên Hội - Hoàng Nông huyện Đại Từ							100
6	Đường Chợ Chu - Kim Phụng - Lam Vĩ huyện Định Hoá							100
7	Đường Trảng xá - Đèo Nhâu huyện Võ Nhai							100
8	Xây dựng 1,3 km đường CMT10 nửa phía bắc đoạn qua KCN Sông Công							100
9	Cầu Thống nhất, thị xã Sông Công							100

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Dự toán năm 2009
10	Đường nội thị thị xã Sông Công đoạn từ đường CMT8 - ĐT 262							150
11	Đường GTLX Trung Thành - Tân Phú huyện Phổ Yên							100
III	HẠ TẦNG DU LỊCH							100
1	Nâng cấp đường du lịch Hồ Nà Mạt xã Ôn Lương ATK Phú Lương							100
iv	HẠ TẦNG CÔNG CỘNG							100
1	Điện chiếu sáng QL 3 địa phận thị xã Sông Công							100
v	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO							400
1	Trường THPT Đào xá							100
2	Trường THPT Giang tiên							100
3	Trường THPT Hà Thượng							100
4	Trường THPT Kỹ thuật mỏ Khánh Hoà							50
5	Dự án xây dựng Trung tâm dạy nghề 20-10							50
VI	VĂN HOÁ THÔNG TIN							40
1	ĐA trung bày Bảo tàng tỉnh							40
vII	Y TẾ							260
1	TTYT DP huyện Phú Lương							100
2	TTYT DP huyện Đại từ							30

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Dự toán năm 2009
3	TTYT DP huyện Phú Bình							30
4	Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng							100
VIII	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC							150
1	Trụ sở Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất							30
2	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường huyện Phổ Yên							30
3	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Võ Nhai							30
4	Trụ sở tiếp công dân - Thanh tra tỉnh							30
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Đảng uỷ khối tỉnh TN							30
IX	AN NINH QUỐC PHÒNG							50
1	Trường quân sự tỉnh							50

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CHO CÁC DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC MỤC TIÊU NHIỆM VỤ KHÁC DO ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2009

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	TỔNG SỐ	510 748
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	116 552
1	Chương trình giảm nghèo	2 835
2	Chương trình việc làm	1 830
3	Chương trình nước sạch VSMT nông thôn	16 000
4	Chương trình chống tội phạm	700
5	Chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình	7 862
6	Chương trình phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm, HIV/AIDS	10 293
7	Chương trình văn hóa	8 885
8	Chương trình phòng chống ma túy	4 000
9	Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm	967
10	Chương trình Giáo dục và đào tạo	63 180
III	Chương trình 135	59 603
III	Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng	23 143
IV	Một số mục tiêu nhiệm vụ khác	311 450

Mẫu số 18/CKTC-NSDP

Biểu số: 09

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ NĂM 2009

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2009
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện, TP, TX	Tổng thu NSNN trên địa bàn huyện hưởng theo phân cấp	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện		
				Tổng số	BS cân đối	BS có mục tiêu
	<u>TỔNG SỐ</u>	<u>404 118</u>	<u>1 258 328</u>	<u>829 572</u>	<u>552 971</u>	<u>276 601</u>
1	TP Thái Nguyên	215 278	304 580	79 071	56 553	22 518
2	TX Sông Công	43 450	83 386	35 966	24 002	11 964
3	Huyện Định Hóa	10 160	132 310	121 498	79 891	41 607
4	Huyện Đại Từ	34 780	179 266	140 723	93 650	47 073
5	Huyện Phú Lương	16 020	100 480	84 460	52 825	31 635
6	Huyện Phú Bình	9 090	110 251	100 594	66 649	33 945
7	Huyện Phổ Yên	39 480	132 924	90 951	59 927	31 024
8	Huyện Võ Nhai	8 640	101 910	93 042	61 404	31 638
9	Huyện Đồng Hỷ	27 220	113 221	83 267	58 070	25 197